

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *16* /2016/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày *20* tháng *7* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện
chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công địa phương
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Công Thương Hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Khánh Hòa tại Tờ trình số 22/TTr-SCT ngày 03 tháng 6 năm 2016 về việc đề nghị ban hành quy định về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 11/10/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện

chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; bãi bỏ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Công Thương;
 - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh KH;
 - TTTU, HĐND và UBND tỉnh
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hoà;
 - Sở Tư pháp;
 - Trung tâm Công báo tỉnh Khánh Hoà;
 - Lưu VT, HB, HL, HN.
- CN902C(QUYETDINH-KCONG)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



A handwritten signature in black ink, consisting of stylized, overlapping letters.

Lê Đức Vinh

QUY ĐỊNH

**Về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch,
đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2016/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà)*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định về xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công địa phương và trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện và quyết toán các đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.
2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Kế hoạch khuyến công địa phương: Là tập hợp các đề án khuyến công đã được phê duyệt hoặc thẩm định, các nhiệm vụ khuyến công hàng năm nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
2. Đơn vị phối hợp thực hiện đề án khuyến công: Tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp, tạo điều kiện để đơn vị thực hiện đề án khuyến công địa phương thực hiện có hiệu quả quyết định phê duyệt đề án khuyến công của cơ quan có thẩm quyền.
3. Địa bàn quản lý: Là phạm vi theo chỉ giới hành chính các huyện, thị xã, thành phố.
4. Công nghệ mới: Là công nghệ được áp dụng vào dây chuyền sản xuất mới hoàn toàn so với công nghệ đang áp dụng trên địa bàn quản lý.
5. Đổi mới thiết bị, công nghệ: Là việc thay thế một phần hay toàn bộ thiết bị, công nghệ đang sử dụng bằng các thiết bị, công nghệ khác tiên tiến hơn, hiệu quả hơn.
6. Chuyển giao công nghệ: Là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử

dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

7. Kinh phí khuyến công địa phương: Là nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương cấp cho các hoạt động khuyến công theo các nội dung chương trình, kế hoạch khuyến công địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

8. Kinh phí khuyến công khác: Là nguồn kinh phí được tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu; nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Xây dựng chương trình khuyến công địa phương

Định kỳ từng giai đoạn, Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt UBND cấp huyện) căn cứ quy hoạch kinh tế - xã hội, định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xây dựng chương trình khuyến công địa phương cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể như sau:

1. Đầu Quý I của năm cuối thực hiện chương trình, Sở Công Thương triển khai xây dựng chương trình khuyến công địa phương của giai đoạn tiếp theo đến UBND cấp huyện.

2. Trên cơ sở hướng dẫn xây dựng chương trình khuyến công địa phương của Sở Công Thương, UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban triển khai xây dựng chương trình khuyến công trên địa bàn quản lý báo cáo UBND cấp huyện xem xét và trình Sở Công Thương vào đầu Quý II của năm cuối thực hiện chương trình.

3. Sở Công Thương tổng hợp, tổ chức thẩm định chương trình khuyến công địa phương giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Khánh Hòa và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chương trình khuyến công địa phương của giai đoạn tiếp theo. Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công địa phương của Chủ tịch UBND tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm.

Điều 4. Xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương.

1. Quý II hàng năm, Sở Công Thương triển khai xây dựng kế hoạch

khuyến công địa phương năm liền kề đến UBND cấp huyện.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Công Thương, UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung hoạt động khuyến công cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quản lý và tổng hợp kế hoạch năm (bao gồm các đề án khuyến công) báo cáo UBND cấp huyện xem xét và trình Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

3. Sở Công Thương tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 15 tháng 9 hàng năm. Kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm được lập phải phù hợp với chương trình khuyến công từng giai đoạn đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chương III

QUY ĐỊNH VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ QUYẾT TOÁN ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Nguyên tắc lập đề án khuyến công địa phương.

Đề án khuyến công được lập đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Có đối tượng, ngành nghề, nội dung chi hoạt động khuyến công địa phương, điều kiện để được hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (gọi tắt Thông tư 46).

2. Phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh Khánh Hòa.

Điều 6. Nội dung đề án khuyến công địa phương

Đề án khuyến công gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Tên đề án khuyến công: Xác định tên gọi phù hợp với nội dung thực hiện đề án khuyến công.

2. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng của đề án khuyến công: (tên, địa chỉ, điện thoại, fax, họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật, số tài khoản, nơi mở tài khoản).

3. Địa điểm thực hiện đề án khuyến công: Ghi rõ địa điểm nơi thực hiện đề án khuyến công.

4. Sự cần thiết của đề án khuyến công: Khái quát tình hình chung (nêu

tóm tắt tình hình ngành nghề tại địa phương), lý do và sự cần thiết phải thực hiện đề án khuyến công.

5. Mục tiêu của đề án khuyến công: Nêu những mục tiêu chính mà đề án đạt được như: giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống của người lao động. Các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế của cơ sở công nghiệp nông thôn.

6. Quy mô của đề án khuyến công: Công suất, sản lượng..., tổng vốn đầu tư và các hoạt động chính của đề án.

7. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ những nội dung cần thực hiện và tiến độ thực hiện của đề án khuyến công

8. Dự toán kinh phí: Xác định tổng kinh phí thực hiện đề án, trong đó: Kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ, kinh phí của đơn vị thụ hưởng và những nguồn kinh phí đóng góp khác. Dự toán kinh phí được lập chi tiết cho từng nội dung công việc. Đối với những đề án khuyến công điểm phải thực hiện nhiều năm thì phải có kế hoạch phân bổ kinh phí hàng năm.

9. Tổ chức thực hiện: Đơn vị thực hiện đề án phải nêu phương án tổ chức thực hiện.

10. Hiệu quả của đề án khuyến công:

- Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường;
- Tính bền vững của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

11. Kết luận và kiến nghị

Điều 7. Các đề án khuyến công địa phương được ưu tiên.

Đề án khuyến công địa phương được xét ưu tiên hỗ trợ kinh phí khuyến công khi đầu tư vào địa bàn ưu tiên hoặc ngành nghề ưu tiên.

1. Địa bàn ưu tiên:

a) Địa bàn các xã khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

b) Huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh.

c) Địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do UBND tỉnh phê duyệt hàng năm hay từng giai đoạn.

2. Ngành nghề ưu tiên:

a) Các cơ sở có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh trở lên.

b) Các mô hình, đề án khuyến công hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn theo danh mục ngành nghề được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Các cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Đối với hoạt động sản xuất sạch hơn, thứ tự ưu tiên xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án do Sở Công thương thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Quy trình thực hiện đề án khuyến công địa phương

1. Lập đề án khuyến công:

- Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng và ngành nghề phù hợp với Khoản 1, Điều 5 Quy định này có nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công, lập đề án khuyến công theo hướng dẫn của Sở Công thương (tại Điều 18 của Quy định này) gửi UBND cấp huyện nơi thực hiện đề án khuyến công đề nghị hỗ trợ.

- UBND cấp huyện xét duyệt các đề án khuyến công đủ điều kiện hỗ trợ lập tờ trình kèm hồ sơ đề án khuyến công gửi về Sở Công Thương chậm nhất vào ngày 15 tháng 8 hàng năm để tổ chức thẩm định theo quy định.

2. Thẩm định đề án khuyến công địa phương.

a) Thành phần tài liệu thẩm định:

- Đề án khuyến công của các đơn vị thực hiện đề án khuyến công.
- Tờ trình đề nghị của UBND cấp huyện.

b) Trình tự thực hiện:

Sở Công Thương chỉ đạo phòng chuyên môn tổ chức thẩm định các đề án khuyến công trình lãnh đạo Sở xem xét quyết định trước ngày 10 tháng 9 hàng năm. Trong trường hợp cần thiết, Sở Công Thương có văn bản lấy ý kiến của các Sở có liên quan để phục vụ cho công tác thẩm định. Các đề án khuyến công đủ điều kiện hỗ trợ được ghi vào kế hoạch khuyến công, đối với các đề án không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến các đơn vị thực hiện đề án khuyến công.

c) Nội dung thẩm định đề án khuyến công:

- Sự phù hợp của đề án khuyến công với nguyên tắc được quy định tại Điều 5 của quy định này.
- Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án, tính hợp lý về sử dụng

nguồn kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất kỹ thuật khác.

- Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

- Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đối tượng thụ hưởng đề án khuyến công.

- Sự phù hợp và đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan.

3. Phê duyệt đề án khuyến công địa phương.

Sở Công Thương phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tình hình triển khai thực hiện đối với các đề án thuộc kế hoạch khuyến công được UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để phê duyệt đề án khuyến công theo ủy quyền hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt đề án khuyến công.

a) Thành phần tài liệu phê duyệt:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt đề án khuyến công của Sở Công Thương đối với các đề án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh hoặc đề nghị phê duyệt đề án khuyến công của phòng chuyên môn thuộc Sở Công Thương đối với các đề án khuyến công thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Công Thương.

- Báo cáo thẩm định các đề án khuyến công

- Đề án khuyến công của các đơn vị thực hiện đề án khuyến công.

b) Thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt đề án khuyến công:

- UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đề án khuyến công có mức hỗ trợ từ 100 triệu đồng trở lên.

- UBND tỉnh ủy quyền Sở Công Thương ban hành quyết định phê duyệt đề án khuyến công có mức hỗ trợ dưới 100 triệu đồng.

4. Tổ chức triển khai thực hiện đề án địa phương.

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt đề án khuyến công và mức hỗ trợ của cấp có thẩm quyền, Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại (Trung tâm KC&XTTM) ký hợp đồng dịch vụ thực hiện đề án khuyến công với đơn vị thực hiện đề án khuyến công. Đối với các đề án khuyến công do Trung tâm KC&XTTM là đơn vị thực hiện đề án khuyến công thì thực hiện theo quyết định giao nhiệm vụ của Sở Công Thương.

b) Đơn vị thực hiện đề án khuyến công có trách nhiệm triển khai thực hiện đề án khuyến công theo những nội dung trong quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng dịch vụ thực hiện đề án khuyến công giữa

đơn vị thực hiện đề án khuyến công và Trung tâm KC&XTTM.

c) Trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện đề án khuyến công, các đơn vị thực hiện đề án khuyến công có nhu cầu tạm ứng kinh phí hỗ trợ theo quyết định phê duyệt đề án khuyến công thực hiện việc đề nghị tạm ứng theo hướng dẫn của Sở Công Thương quy định tại Điều 18 của Quy định này.

d) Đối với các đề án khuyến công thuộc dạng trình diễn mô hình, đơn vị thực hiện đề án gửi công văn đăng ký tổ chức trình diễn mô hình đến Trung tâm KC&XTTM. Trung tâm KC&XTTM phối hợp với đơn vị thực hiện đề án khuyến công tổ chức hội nghị trình diễn mô hình, nghiệm thu cơ sở.

e) Đối với các đề án khuyến công không thực hiện trình diễn, sau khi thực hiện hoàn thành các nội dung của hợp đồng dịch vụ thực hiện đề án khuyến công, đơn vị thực hiện đề án khuyến công phải báo cáo kết quả thực hiện đề án khuyến công gửi Trung tâm KC&XTTM để tiến hành thanh lý hợp đồng dịch vụ thực hiện đề án khuyến công.

5. Quyết toán đề án khuyến công địa phương

a) Sau khi nghiệm thu cơ sở các mô hình trình diễn kỹ thuật, mô hình điểm, mô hình chuyển giao công nghệ đạt yêu cầu; báo cáo (đối với các đề án khuyến công thuộc dạng đào tạo nghề, dạy nghề và truyền nghề) hoặc báo cáo kết quả đối với các đề án khác như: Tham quan học tập kinh nghiệm, thành lập doanh nghiệp, đơn vị thực hiện đề án khuyến công tiến hành quyết toán đề án khuyến công với Trung tâm KC&XTTM theo sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của Sở Công Thương quy định tại Điều 18 của Quy định này.

b) Quyết toán mức chi hỗ trợ mô hình, đề án khuyến công địa phương: Giao Sở Công Thương kiểm tra, quyết toán mức hỗ trợ kinh phí khuyến công theo tổng vốn đầu tư thực tế của từng mô hình, đề án khuyến công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thủ tục, biên bản nghiệm thu, hóa đơn, chứng từ đầu tư của từng mô hình, đề án khuyến công thực hiện theo quy định hiện hành.

- Trường hợp tổng vốn đầu tư thực tế của mô hình, đề án khuyến công cao hơn tổng vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt thì quyết toán mức chi hỗ trợ theo đúng mức chi hỗ trợ đã được phê duyệt.

- Trường hợp tổng vốn đầu tư thực tế của mô hình, đề án khuyến công thấp hơn tổng vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt thì quyết toán mức chi hỗ trợ theo tỷ lệ quy định tương ứng tại Quy định này.

Điều 9. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương.

Các tổ chức, cá nhân sử dụng từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương

cho các hoạt động khuyến công phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quy định này quy định một số mức chi cụ thể như sau:

1. Các mức chi hỗ trợ cụ thể:

a) Mức chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Mua sắm máy móc thiết bị; Xây dựng cơ bản phục vụ cho việc lắp đặt, bảo quản máy móc thiết bị (giá trị xây dựng cơ bản để tính tổng mức hỗ trợ tối đa bằng 20% tổng giá trị mua sắm máy móc thiết bị). Mức hỗ trợ tối đa được xác định trên tổng vốn đầu tư:

- Mô hình có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 25%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 105 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 21%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 170 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 1 tỷ đồng đến dưới 2 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 17%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 260 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 2 tỷ đồng đến dưới 3,3 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 13%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 330 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 3,3 tỷ đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa 10%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình.

b) Mức chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp nông thôn, bao gồm các chi phí: Mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản phục vụ cho việc lắp đặt, bảo quản máy móc thiết bị (trong đó, giá trị xây dựng cơ bản để tính tổng mức hỗ trợ không quá 20% tổng giá trị mua sắm máy móc thiết bị). Mức hỗ trợ tối đa được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư của đề án:

- Đề án có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 25%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 100 triệu đồng/đề án.

- Đề án có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 20%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 150 triệu đồng/đề án.

- Đề án có tổng vốn đầu tư từ 1,5 tỷ đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa 10%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 200 triệu đồng/đề án.

c) Mức chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn (bao gồm các chi phí: sửa chữa, xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị); được xác định trên tổng vốn đầu tư:

- Đề án có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 25%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 100 triệu đồng/đề án;

- Đề án có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 20%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 180 triệu đồng/đề án;

- Đề án có tổng vốn đầu tư từ 1,5 tỷ đồng đến dưới 2,4 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 12%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 240 triệu đồng/đề án;

- Đề án có tổng vốn đầu tư từ 2,4 tỷ đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa 10%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 300 triệu đồng/đề án.

d) Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh:

- Chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 80 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

- Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh: Đạt giải cấp huyện được thưởng 02 triệu đồng/sản phẩm; Đạt giải cấp tỉnh được thưởng 04 triệu đồng/sản phẩm.

đ) Chi hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp thành lập hiệp hội, hội ngành nghề cấp tỉnh, cấp huyện:

Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập nhưng tối đa không vượt quá 20 triệu đồng/hội, hiệp hội đối với cấp huyện và 50 triệu đồng/hội, hiệp hội đối với cấp tỉnh.

e) Mức chi hỗ trợ cho các mô hình, đề án khuyến công đầu tư thực hiện tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này bằng 1,3 lần so với mức hỗ trợ tương ứng quy định tại điểm a, b và c của Khoản 2 Điều 9 của Quy định này.

f) Mức chi hỗ trợ cho các mô hình, đề án khuyến công thực hiện tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này bằng 1,2 lần so với mức hỗ trợ tương ứng quy định tại điểm a, b và c của khoản 2 Điều 9 của Quy định này.

Đối với mô hình, đề án khuyến công đáp ứng đủ hai điều kiện quy định tại điểm e và f khoản 2 Điều này, thì được hưởng mức hỗ trợ quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

2. Đối với các nội dung hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều này) theo Khoản 1 và Khoản 2, Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên Bộ: Tài chính – Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công

quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương, mức chi cụ thể do UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương.

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công thuộc kế hoạch khuyến công hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt, đơn vị thực hiện đề án khuyến công có văn bản đề nghị UBND cấp huyện nơi thực hiện đề án khuyến công, Trung tâm KC&XTTM trước ngày 15 tháng 9 của năm thực hiện kế hoạch khuyến công, trong đó nêu rõ lý do cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công của đơn vị thực hiện đề án khuyến công, UBND cấp huyện nơi thực hiện đề án khuyến công có văn bản gửi Sở Công thương chậm nhất trước ngày 30 tháng 9 của năm thực hiện kế hoạch khuyến công. Trách nhiệm Sở Công Thương:

a) Xem xét phê duyệt các đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công thuộc thẩm quyền quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 8 của quy định này.

b) Trình UBND tỉnh phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

c) Đối với các đề án khuyến công có sai phạm trong việc thực hiện như: không đáp ứng được mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện,... Sở Công Thương tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định ngừng thực hiện đề án khuyến công theo thẩm quyền quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

3. Đối với các đơn vị thực hiện đề án khuyến công đã nhận kinh phí tạm ứng mà ngừng triển khai thực hiện thì Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện nơi thực hiện đề án khuyến công và Trung tâm KC&XTTM kiểm tra xác định nguyên nhân và yêu cầu bồi thường kinh phí đã tạm ứng theo quy định hoặc đề xuất ý kiến tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định thu hồi kinh phí đã tạm ứng theo thẩm quyền quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 8 của quy định này (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Chủ trì xây dựng chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn, kế hoạch khuyến công địa phương, cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công trình UBND tỉnh phê duyệt. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình, kế hoạch khuyến công.

3. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công, thẩm định, phê duyệt các đề án khuyến công địa phương do UBND tỉnh phân cấp ủy quyền hoặc trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt các đề án khuyến công địa phương thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

4. Hàng năm thực hiện việc xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí khuyến công địa phương của tỉnh, gửi cơ quan tài chính thẩm định theo quy định hiện hành.

5. Hướng dẫn Trung tâm KC&XTTM và các đơn vị thực hiện đề án về nghiệp vụ có liên quan đến công tác quyết toán đề án khuyến công.

6. Chịu trách nhiệm chính trong việc phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án; bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ khuyến công địa phương đúng mục đích và có hiệu quả;

7. Định kỳ sáu tháng, một năm, có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công cho UBND tỉnh Khánh Hòa và Bộ Công Thương.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ Chương trình khuyến công từng giai đoạn, Kế hoạch khuyến công được UBND tỉnh phê duyệt và dự toán của cơ quan, đơn vị có liên quan lập, tổng hợp nhu cầu kinh phí khuyến công hàng năm tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, phê duyệt.

2. Hàng năm thẩm định quyết toán nguồn kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm các Sở, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn và tham gia ý kiến thẩm định đề án khuyến công khi có đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước các hoạt động khuyến công trên địa bàn theo quy định.

2. Xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm trên địa bàn theo chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Công Thương, cụ thể:

a) Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn có đủ điều kiện và có nhu cầu được hưởng chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn xây dựng đề án khuyến công theo quy định.

b) Phối hợp với Trung tâm KC&XTTM trong việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn.

c) Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành có liên quan kiểm tra, đánh giá và giám sát thực hiện chương trình, kế hoạch, các đề án khuyến công trên địa bàn.

d) Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp báo cáo tình hình triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn gửi Sở Công Thương, Trung tâm KC&XTTM trước ngày 10 của tháng đầu quý.

3. Căn cứ vào khả năng nguồn ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác cấp cho địa phương hàng năm để chi cho hoạt động khuyến công theo quy định của pháp luật, UBND cấp huyện phân bổ kinh phí để phối hợp cùng với các nguồn kinh phí khuyến công khác (quốc gia, tỉnh) hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn phát triển.

Điều 15. Trách nhiệm của Trung tâm KC&XTTM

Là đơn vị trực thuộc Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà theo quyết định giao nhiệm vụ của giám đốc Sở Công Thương, cụ thể như sau:

1. Tham mưu cho Sở Công Thương trong công tác xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Ký hợp đồng với đơn vị thực hiện đề án, theo dõi, giám sát tình hình triển khai thực hiện các đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà, chủ động giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các đơn vị thực hiện đề án khuyến công theo thẩm quyền hoặc trình các cơ quan có chức năng nghiên cứu giải quyết kịp thời; tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công, giải ngân và quyết toán kinh phí hỗ trợ khuyến công thực hiện theo chế độ quy định hiện hành.

3. Phối hợp với các phòng chức năng của Sở Công Thương, hướng dẫn các phòng kinh tế và hạ tầng, phòng kinh tế, đơn vị thực hiện đề án khuyến công và các đơn vị thụ hưởng trong việc tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh theo quyết định giao nhiệm vụ của giám đốc Sở

Công Thương.

4. Hàng Quý, năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn toàn tỉnh cho Sở Công Thương trước ngày 15 của tháng đầu quý.

Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện đề án khuyến công địa phương, đơn vị phối hợp và đơn vị thụ hưởng

1. Đối với đơn vị thực hiện đề án khuyến công:

a) Lập đề án khuyến công đúng theo quy định.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đề án theo đúng những nội dung của quyết định phê duyệt đề án khuyến công, các điều khoản hợp đồng ký kết, sử dụng kinh phí hiệu quả và có trách nhiệm quyết toán kinh phí đề án theo đúng chế độ quy định hiện hành.

c) Tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công.

d) Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý các thông tin đã cung cấp cho các cơ quan quản lý trong xây dựng đề án, báo cáo và các văn bản có liên quan khác của các đề án khuyến công.

e) Có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả kinh phí đã được tạm ứng nếu không thực hiện đúng theo các nội dung của đề án khuyến công được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án khuyến công sau khi được Sở Công Thương chủ trì kiểm tra nguyên nhân (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

2. Đối với đơn vị phối hợp thực hiện đề án khuyến công:

a) Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đơn vị thực hiện đề án tổ chức triển khai có hiệu quả và đúng thời gian quy định.

b) Cùng với đơn vị thực hiện đề án giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện đề án.

3. Đối với đơn vị thụ hưởng:

a) Thực hiện đúng các thủ tục theo quy định hiện hành. Phối hợp đơn vị thực hiện đề án khuyến công xây dựng và triển khai đề án khuyến công tại đơn vị.

b) Tạo mọi điều kiện thuận lợi khi cơ quan chức năng có thẩm quyền giới thiệu các đơn vị trong và ngoài tỉnh đến học tập kinh nghiệm tại đơn vị.

c) Có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả kinh phí đã được tạm ứng nếu không thực hiện đúng theo các nội dung của đề án khuyến công được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án khuyến công sau khi được Sở Công Thương chủ trì kiểm tra nguyên nhân (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Hàng năm, giao Sở Công Thương tổ chức đánh giá và đề nghị khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công tỉnh Khánh Hòa.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của của Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở bộ biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, giao Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định.

Sở Công Thương phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung quy định.

Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc cần sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tế, đề nghị các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh